

Số: 05 /2016/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 18 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định định mức tiêu hao nhiên liệu xăng sinh học E5 và dầu di-e-zen đối với các loại xe ô tô, mô tô sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Chỉ thị số 23/2004/CT-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp tiết kiệm xăng dầu;

Căn cứ Chỉ thị số 26/2005/CT-TTg ngày 20/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm trong tiêu dùng xăng dầu;

Căn cứ Quyết định số 53/2012/QĐ-TTg ngày 22/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành lộ trình áp dụng tỉ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống;

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 85 /TTr-SGTVT ngày 19 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức tiêu hao nhiên liệu xăng sinh học E5 và dầu di-e-zen đối với các loại xe ô tô, mô tô sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2013 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Ban hành định mức tiêu hao nhiên liệu áp dụng đối với xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.



Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính, Công thương; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục kiểm tra văn bản - BTP;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể CT-XH;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chi cục Văn thư lưu trữ tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC, CNXD (MNC).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bốn

QUY ĐỊNH

**Định mức tiêu hao nhiên liệu xăng sinh học E5 và
dầu di-e-zen đối với các loại xe ô tô, mô tô sử dụng kinh phí
từ ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05 /2016/QĐ-UBND ngày 18/02/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định định mức tiêu hao nhiên liệu xăng sinh học E5 và dầu di-e-zen đối với các loại xe ô tô, mô tô sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Quy định này không điều chỉnh đối với:

- a) Xe ô tô chở người lớn hơn 16 chỗ ngồi, ô tô tải và ô tô chuyên dùng;
- b) Xe ô tô, mô tô của công an, quân đội phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình của nhà nước thuộc địa phương quản lý (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dung tích xilanh* là thể tích làm việc của xilanh giới hạn trong khoảng một hành trình của piston và thể tích buồng cháy. Dung tích xilanh được tính bằng Cen ti mét khối (cm³).

2. *Công suất cực đại* là công suất có ích lớn nhất mà động cơ có thể phát ra trong một khoảng thời gian nhất định trong điều kiện làm việc có tải không đổi. Công suất động cơ được tính bằng Ki lô oát (kW).

3. *Bảo dưỡng* là công việc dự phòng được tiến hành bắt buộc sau một chu kỳ vận hành nhất định trong khai thác theo nội dung công việc đã quy định nhằm duy trì trạng thái kỹ thuật tốt của xe cơ giới.



4. *Chu kỳ bảo dưỡng* là quãng đường xe chạy hoặc khoảng thời gian khai thác giữa hai lần bảo dưỡng.

5. *Sửa chữa lớn (đại tu) động cơ* là những hoạt động hoặc những biện pháp kỹ thuật nhằm khôi phục khả năng hoạt động bình thường của động cơ khi động cơ bị hư hỏng hoặc có dấu hiệu dẫn đến hư hỏng cần phải tháo rã toàn bộ động cơ để sửa chữa.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, áp dụng định mức tiêu hao nhiên liệu

1. Định mức tiêu hao nhiên liệu tại Quy định này dựa trên cơ sở dung tích xilanh của động cơ (đối với xe mô tô) và công suất cực đại của động cơ (đối với xe ô tô), được tính bình quân cho các tuyến đường từ loại 1 đến loại 5 và đã tính đến các trường hợp như quay trở đầu, hoạt động trong thành phố, thị xã, xe hoạt động đường ngắn, qua phà, cầu tạm (đối với xe ô tô cũng đã tính đến xe hoạt động có sử dụng cả máy điều hòa nhiệt độ). Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào thông số kỹ thuật của xe và đối chiếu với bảng định mức để cấp cho phù hợp.

2. Định mức tiêu hao nhiên liệu tại Quy định này là căn cứ để xây dựng dự toán ngân sách, cấp phát, thanh quyết toán chi phí sử dụng nhiên liệu cho các loại xe ô tô, mô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông hàng năm.

3. Đối với loại xe ô tô lớn hơn 16 chỗ ngồi, ô tô tải và ô tô chuyên dùng thì các cơ quan, tổ chức, đơn vị thành lập hội đồng khảo sát thực tế phương tiện (có sự tham gia của các cơ quan chức năng) để cấp nhiên liệu cho phù hợp.

Chương II QUY ĐỊNH VỀ ĐỊNH MỨC TIÊU HAO NHIÊN LIỆU

Điều 5. Định mức tiêu hao nhiên liệu

1. Đối với xe mô tô sử dụng xăng sinh học E5:

| Dung tích xilanh của động cơ (cm³) | Định mức cấp nhiên liệu (Lít/100Km) | Xe đã vận hành trên 100.000Km |
|--|--|--------------------------------------|
| Xe có dung tích xilanh động cơ đến 110 cm ³ | 2,5 lít | Cộng thêm 0,5 lít/100Km |
| Dung tích xilanh động cơ trên 110 cm ³ đến dưới 175 cm ³ | 3 lít | |
| Dung tích xilanh động cơ từ 175 cm ³ đến 250 cm ³ | 3,5 lít | |
| Xe có dung tích xilanh động cơ trên 250 cm ³ | 4 lít | |

2. Đối với xe ô tô động cơ sử dụng xăng sinh học E5:

| Công suất của động cơ (kW) | Định mức cấp nhiên liệu (Lít/100Km) | Xe đã vận hành trên 200.000Km |
|--|-------------------------------------|-------------------------------|
| Xe có công suất động cơ dưới 60 kW | 9,6 lít | Cộng thêm 01 lít/100km |
| Công suất động cơ từ 60 đến dưới 80 kW | 9,8 ÷ 12,6 lít | |
| Công suất động cơ từ 80 đến dưới 100 kW | 12,7 ÷ 15,5 lít | |
| Công suất động cơ từ 100 đến dưới 120 kW | 15,7 ÷ 18,5 lít | |
| Công suất động cơ từ 120 đến dưới 140 kW | 18,6 ÷ 21,4 lít | |
| Công suất động cơ từ 140 đến dưới 160 kW | 21,6 ÷ 24,4 lít | |
| Công suất động cơ từ 160 đến dưới 180 kW | 24,6 ÷ 27,4 lít | |
| Công suất động cơ từ 180 đến 200 kW | 27,5 ÷ 30,5 lít | |
| Xe Uóat | 20 lít | |

3. Đối với xe ô tô động cơ sử dụng dầu di-e-zen:

| Công suất của động cơ (kW) | Định mức cấp nhiên liệu (Lít/100Km) | Xe đã vận hành trên 200.000Km |
|--|-------------------------------------|-------------------------------|
| Xe có công suất động cơ dưới 50 kW | 8,3 lít | Cộng thêm 01 lít/100km |
| Công suất động cơ từ 50 đến dưới 70 kW | 8,5 ÷ 11,3 lít | |
| Công suất động cơ từ 70 đến dưới 90 kW | 11,5 ÷ 14,4 lít | |
| Công suất động cơ từ 90 đến dưới 110 kW | 14,5 ÷ 17,4 lít | |
| Công suất động cơ từ 110 đến dưới 130 kW | 17,5 ÷ 20,4 lít | |
| Công suất động cơ từ 130 đến 150 kW | 20,6 ÷ 23,6 lít | |

Điều 6. Định mức tiêu hao nhiên liệu điều chỉnh và thay dầu các loại

1. Đối với xe đã qua sửa chữa lớn động cơ, định mức tiêu hao nhiên liệu được tính tăng 3% trên định mức tiêu hao nhiên liệu đang cấp cho xe, đối với xe sửa chữa lớn động cơ lần thứ 2 trở lên vẫn áp dụng như sửa chữa lớn động cơ lần đầu.

2. Đối với xe hoạt động trên các tuyến đường giao thông loại đường đặc biệt xấu như đường hỏng do mưa lũ, lụt lội, trơn, lầy hoặc xe đi khảo sát tuyến đường có địa hình xấu, tắc đường ở các đô thị loại 1, loại đường mà vận tốc của xe dưới 30 km/h (đối với xe ô tô) và dưới 25 km/h (đối với xe mô tô) thì các đơn vị có thể tăng thêm định mức tiêu hao nhiên liệu nhưng không vượt quá 20% so với định mức tiêu hao nhiên liệu đang cấp cho xe và chỉ được áp dụng cho các cung đường đó.

3. Định mức thay dầu bôi trơn cho động cơ xe ô tô theo định kỳ là 5.000km/1 lần thay (áp dụng cho cả động cơ xăng và di-e-zen) và xe mô tô là 2.000km/1 lần thay.

Các loại dầu cần thay theo định kỳ như dầu phanh, dầu trợ lực lái, dầu bôi trơn hệ thống truyền động... số lượng dầu, số km vận hành phải thay dầu và chu kỳ bảo dưỡng các chi tiết của xe theo quy định của nhà sản xuất.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan

1. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng định mức tiêu hao nhiên liệu này trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị thực hiện việc áp dụng định mức tiêu hao nhiên liệu theo Quy định này.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng xe ô tô, mô tô

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ tình hình hoạt động và chất lượng của xe để quy định cụ thể định mức tiêu hao nhiên liệu đối với từng loại xe của đơn vị cho phù hợp, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và không được vượt quá mức quy định tại Quy định này đồng thời phải công khai cho cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị biết, theo dõi.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

Trong trường hợp trên địa bàn của các cơ quan, đơn vị không có xăng sinh học E5 thì các cơ quan, đơn vị được phép sử dụng xăng A92, A95 và áp dụng định mức cấp tiêu hao nhiên liệu cho xe theo Quy định này khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định. / *Điền*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Bốn